

Tên học phần:

TIẾP XÚC VĂN HÓA ĐÔNG – TÂY Ở VIỆT NAM

Số tín chỉ: 02 (20 lí thuyết, 10 thảo luận)

Khoa phụ trách: Khoa Ngữ Văn - Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN

Mã số học phần:

Dạy cho các ngành: Văn hóa học, Báo chí, Việt Nam học.

1. Mô tả học phần:

Tiếp xúc văn hóa Đông – Tây ở Việt Nam là một môn khoa học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sự tiếp xúc văn hoá Đông - Tây ở Việt Nam; sự thay đổi, cấu trúc lại nền văn hoá Việt Nam - kết quả của sự tiếp xúc văn hoá đó. Tùy theo thiết kế chương trình của mỗi khoa, mỗi chuyên ngành, môn học này có thể là môn học bắt buộc hoặc tự chọn; có thể bố trí ở bất kỳ học kỳ nào (khoảng từ học kỳ 3 đến học kỳ 8) trong chương trình đào tạo.

2. Điều kiện tiên quyết: sinh viên đã học xong học phần *Lịch sử tư tưởng phương Đông*.

3. Mục tiêu môn học:

3.1. Mục tiêu chung:

Học xong môn học này, sinh viên đạt được khả năng:

* Về kiến thức:

- Nêu được những khái niệm liên quan đến văn hóa, tiếp xúc văn hóa.
- Nắm được quá trình tiếp xúc văn hóa Đông – Tây ở Việt Nam đã diễn ra như thế nào, trong những điều kiện ra sao.

- Trình bày được kết quả của các cuộc tiếp xúc văn hóa Đông – Tây ở Việt Nam, đã khiến cấu trúc của nền văn hóa Việt Nam thay đổi như thế nào.

- Vận dụng các kiến thức để giải bài toán giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam trong thời kì hội nhập và toàn cầu hóa.

* Về kĩ năng:

- Kỹ năng liên hệ, so sánh các nền văn hóa lớn với nhau.

- Kỹ năng phân tích, đánh giá sự thay đổi diện mạo của văn hoá Việt Nam trên các phương diện thông qua tiếp xúc văn hoá Đông – Tây.

- Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm.

* Về thái độ:

- Nghiêm túc, chủ động trong quá trình học

- Tích cực đọc thêm tài liệu liên quan đến môn học

- Tham gia đầy đủ các kì kiểm tra, đánh giá

3.2. Các mục tiêu khác:

- Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm

- Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi

- Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá

4. Nội dung chi tiết môn học và hình thức dạy học:

4.1. Nội dung cụ thể:

Chương 1: Văn hóa và tiếp xúc văn hóa

1.1. Văn hóa, văn hóa phương Đông, văn hóa phương Tây

1.1.1. Văn hóa

1.1.2. Văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây

1.2. Tiếp xúc văn hóa

1.2.1. Khái niệm

1.2.2. Các con đường tiếp xúc văn hóa

1.2.3. Quy luật của sự tiếp xúc văn hóa

1.3. Tiếp xúc văn hóa Đông – Tây

1.3.1. Quá trình tiếp xúc văn hóa Đông – Tây

1.3.2. Tính chất của các cuộc tiếp xúc văn hóa Đông – Tây

1.3.3. Tiếp xúc văn hóa Đông – Tây ở Việt Nam

Chương 2: Quá trình tiếp xúc văn hóa Đông – Tây ở Việt Nam

2.1. Thời cổ trung đại

2.1.1. Lóp văn hóa bản địa hay những yếu tố nội sinh của văn hóa Việt Nam

2.1.2. Sự giao lưu văn hóa với Trung Hoa và khu vực

2.1.3. Bước đầu của việc giao lưu văn hóa với phương Tây

2.2. Thời cận đại

2.2.1. Giai đoạn đầu của cuộc tiếp xúc văn hóa Đông Tây (đầu thế kỉ XVII đến 1862)

2.2.2. Giai đoạn thứ hai của cuộc tiếp xúc văn hóa Đông Tây (từ 1862 đến 1945)

2.2.3. Tác động của cuộc tiếp xúc văn hóa Đông – Tây

2.3. Thời hiện đại

Chương 3: Kết quả tiếp xúc văn hóa Đông – Tây ở Việt Nam

3.1. Sự thay đổi cấu trúc của nền văn hóa Việt Nam thời cận đại

3.1.1. Sự hình thành tầng lớp trí thức Tây học

3.1.2. Sự hình thành lối sống Âu hóa

3.1.3. Sự xuất hiện những loại hình văn hóa mới

3.1.4. Sự tiếp biến văn hóa phương Tây trong một số loại hình văn hóa truyền thống

3.2. Toàn cầu hóa văn hóa và vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc

3.2.1. Toàn cầu hóa văn hóa – xu thế tất yếu của thế kỉ XXI

3.2.2. Hội nhập Đông - Tây với vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc

5. Tài liệu tham khảo

1. Trần Lê Bảo (2012), *Giáo trình văn hóa phương Đông*, Nxb Đại học Sư Phạm Hà Nội, Hà Nội.

2. Phạm Đức Dương (2002), *Từ văn hoá đến văn hoá học*, Viện Văn hoá và Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.

3. Nguyễn Văn Huyền (1996), *Góp phần nghiên cứu văn hoá Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội.

4. Đỗ Quang Hưng (chủ biên) (2013), *Tính hiện đại và sự chuyển biến của văn hóa Việt Nam thời cận đại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Nguyễn Thị Hường (2008), *Giáo trình văn hóa học*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

6. N. Konrat (1997), *Phương Đông và phương Tây* (những vấn đề triết học, triết học lịch sử, văn học Đông và Tây) (bản dịch tiếng Việt), Nxb Giáo dục, Hà Nội.

7. Phạm Xuân Nam (2013), *Sự đa dạng văn hóa và đối thoại giữa các nền văn hóa – Một góc nhìn từ Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

8. Nguyễn Quang (2004), *Một số vấn đề giao tiếp nội văn hóa và giao văn hóa*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.

9. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb Giáo dục.

10. Ngô Đức Thịnh (chủ biên) (2014), *Giá trị văn hóa Việt Nam – truyền thống và biến đổi*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

11. Ngô Đức Thịnh (2006), *Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

12. Lương Duy Thứ chủ biên (2000), *Đại cương văn hoá phương Đông*, Nxb Đại học Quốc gia Tp HCM.

13. Trần Quốc Vượng chủ biên (1998), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

14. Trần Quốc Vượng (2006), *Thăng Long – Hà Nội tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn hóa thông tin.

6. Phương pháp đánh giá học phần

Trọng số:

Chuyên cần: 0,1

Kiểm tra giữa học phần: 0,3

Thi kết thúc học phần 0,6

Cộng 1,0

Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

Chương 1: Văn hóa và tiếp xúc văn hóa

1.1. Văn hóa, văn hóa phương Đông, văn hóa phương Tây

1.1.1. Văn hóa

Văn hóa là một khái niệm đa tầng, đa nghĩa với ngoại diên rất rộng và nội hàm rất phong phú. Cho đến nay đã có hàng trăm những định nghĩa về văn hóa và con số đó vẫn còn tiếp tục tăng lên. Ở đây chỉ bàn đến văn hóa như một khái niệm khoa học chỉ đối tượng nghiên cứu của văn hóa học.

- Định nghĩa của UNESCO trong bản *Tuyên bố toàn cầu của UNESCO về đa dạng văn hóa* (11-2001): “Văn hóa nên được xem là một tập hợp các đặc điểm nổi bật về tinh thần, vật chất, tri thức và tình cảm của xã hội hay một nhóm xã hội, và ngoài văn học và nghệ thuật, nó còn bao gồm lối sống, cách thức cùng chung sống, các hệ thống giá trị, các truyền thống và tín ngưỡng”.

- Hướng tiếp cận văn hóa từ hệ thống cấu trúc của GS Phạm Xuân Nam: “Yếu tố hàng đầu của văn hóa là sự hiểu biết, bao gồm tri thức, kinh nghiệm và sự khôn ngoan, tích lũy được trong quá trình học tập, lao động sản xuất và đấu tranh để duy trì và phát triển cuộc sống của mỗi cộng đồng dân tộc và các thành viên trong cộng đồng ấy. Nhưng chỉ riêng sự hiểu biết thôi chưa làm nên văn hóa. Sự hiểu biết chỉ trở thành văn hóa khi nó làm nền và định hướng cho thế ứng xử (thể hiện ở tâm hồn, đạo lý, lối sống, thị hiếu, thẩm mỹ, hành vi...) của mỗi cá nhân và của cả cộng đồng vươn tới cái đúng, cái tốt, cái đẹp trong quan hệ với tự nhiên, với xã hội, với người khác và với chính bản thân”.

1.1.2. Văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây

Theo nghĩa về văn hóa, phương Tây bao gồm các quốc gia châu Âu và các quốc gia có nguồn gốc thuộc địa châu Âu ở châu Mỹ và châu Đại dương, ví dụ như Hoa Kỳ, Canada, Australia, New Zealand, Argentina, Brazil. Còn phương Đông là khái niệm được hình thành để phân biệt với Phương Tây. Hai khái niệm này mang tính tương đối và là sự quy ước của con người, xuất phát

đầu tiên ở khu vực Nam Âu (Hy Lạp và vùng bán đảo Balkans) từ thời cổ đại. Lúc đó con người chưa tìm ra Tân lục địa nên người Hy Lạp gọi khu vực phía mặt trời lặn so với họ là Phương Tây, còn các vùng đất còn lại (Châu Phi và Châu Á) gọi là Phương Đông. Từ đó có khái niệm Cận, Trung và Viễn Đông - so với Hy Lạp.

“Trên thế giới có hai nền văn hóa tiêu biểu, văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây”, và hai nền văn hóa này có những điểm khác biệt nhau” (Huỳnh Ngọc Thu). Triết lý sống của người phương Tây là coi “con người là trung tâm” và khẳng định “vai trò cá nhân”, nên ứng xử trong cuộc sống họ chú trọng đến cá nhân nhiều hơn cộng đồng và luôn tìm cách để chinh phục tự nhiên. Điều này hoàn toàn trái ngược với triết lý sống của người phương Đông là quan hệ cộng đồng chặt chẽ và luôn hòa đồng với tự nhiên, xã hội; trong cuộc sống không đặt nặng vai trò cá nhân. Có lẽ, chính vì quan điểm khác biệt này mà phương Tây đã có nền văn minh phát triển mạnh hơn phương Đông, nguyên nhân là do họ khẳng định được vai trò cá nhân và luôn tìm cách chinh phục tự nhiên. Yếu tố này đã làm cho các nước phương Tây phát triển mạnh trên mọi lĩnh vực, từ quân sự đến khoa học kỹ thuật, kinh tế... trong vài thập kỷ qua và đã gây ảnh hưởng mạnh mẽ đến các nước phương Đông.

1.2. Tiếp xúc văn hóa

1.2.1. Khái niệm

Trong khi nghiên cứu quá trình tương tác giữa hai (hay nhiều) nền văn hóa khác nhau, có khá nhiều thuật ngữ được các nhà nghiên cứu đưa ra như tiếp xúc văn hóa, giao lưu văn hóa, đối thoại văn hóa, giao tiếp văn hóa, giao thoa văn hóa, tiếp biến văn hóa... Và cách hiểu của mỗi nhà nghiên cứu về các thuật ngữ nói trên đến nay vẫn còn chưa thống nhất.

- GS Trần Quốc Vượng: *giao lưu, tiếp xúc văn hóa* (culture contact) là toàn bộ những tương quan hỗ tương nói hai nền văn hóa có quan hệ với nhau,

trực tiếp hay gián tiếp, thể chất hay không, liên tục hay có hạn, ý thức hay vô thức (*Văn hóa Việt Nam – tìm tòi và suy ngẫm*, NXB Văn học, 2003).

- GS. TS Ngô Đức Thịnh: *giao tiếp văn hóa* là một đặc tính cố hữu của con người, các cộng đồng người, nó xuất hiện cùng với con người và xã hội loài người và tồn tại dưới nhiều sắc thái và trình độ khác nhau. Ở đây nói tới giao tiếp văn hóa với tư cách là giao tiếp giữa các cộng đồng người (ethnic), góp phần làm cho văn hóa của cộng đồng người ấy được đổi mới, cách tân. Nó được xem như là một nhân tố quan trọng trong quy luật truyền thống và đổi mới của văn hóa. Đó là: Truyền thống (Tradition) – Tiếp biến (tiếp nhận và biến đổi – acculturation) – Đổi mới (Renovation) (*Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, 2006).

- GS Đỗ Quang Hưng: tiếp xúc văn hóa là một hiện tượng văn hóa phổ biến. Trong việc tiếp xúc, giao lưu văn hóa thường có hai quá trình phổ biến: quá trình “đưa vào” của những chủ thể văn hóa bên ngoài và quá trình “nhận lấy” của chủ thể tiếp nhận. Và trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, khi nói về tiếp xúc văn hóa, các nhà nghiên cứu đã có nhiều sự thay đổi về cách nhìn. Đó là cái nhìn truyền thống của sự tiếp xúc văn hóa thường bắt đầu bằng sự xung đột (giữa các giá trị “đưa vào” và bản sắc văn hóa của sự “nhận lấy”) vốn rất phổ biến ở thế kỉ XIX sang một cách nhìn của sự tiến hóa về văn hóa, văn minh, sự hội nhập tất yếu của những giá trị kinh tế, văn hóa có tính toàn cầu. Trong thế giới ngày nay, khái niệm được sử dụng phổ biến khi nói về tiếp xúc văn hóa, đó là thái độ *tiếp biến văn hóa*, sự *thâu hóa văn hóa* (*Tính hiện đại và sự chuyển biến của văn hóa Việt Nam thời cận đại*, NXB Chính trị quốc gia, 2013).

- GS Phạm Xuân Nam: tiếp xúc văn hóa là sự gặp gỡ, làm quen, từ đó có thể tiến tới xác lập quan hệ giữa các cộng đồng văn hóa khác nhau. Có nhiều cuộc tiếp xúc văn hóa là do chủ định và tự nguyện của cả hai phía. Nhưng cũng có không ít cuộc tiếp xúc văn hóa là do sự áp đặt, cưỡng bức từ một phía thông qua hành động xâm lược và thống trị của một nước mạnh đối

với một nước yếu hơn. Chỉ có những cuộc tiếp xúc văn hóa tự nguyện mới có thể dẫn đến các cuộc đối thoại văn hóa cởi mở và bình đẳng. Ông cũng khẳng định, tiếp xúc văn hóa là điều kiện cần nhưng chưa đủ của biến đổi văn hóa, bởi tiếp xúc văn hóa không tự động dẫn đến sự biến đổi. Khi tiếp xúc với văn hóa B, văn hóa A không tự thân và nhất thiết biến thành A'. Tiếp xúc chỉ dẫn đến biến đổi khi có sự đối thoại giữa các nền văn hóa với nhau. Tóm lại, tiếp xúc văn hóa là nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi văn hóa (tiếp biến văn hóa) mà đối thoại văn hóa là khâu trung gian tác động đến sự chuyển hóa hay kết hợp các giá trị văn hóa nội sinh với các giá trị văn hóa ngoại sinh của bên tham gia đối thoại (*Sự đa dạng văn hóa và đối thoại giữa các nền văn hóa – một góc nhìn từ Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, 2013).

Như vậy, theo quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu trong nước, tiếp xúc văn hóa là hiện tượng hai hay nhiều nền văn hóa cọ xát với nhau, dẫn đến những biến đổi nhất định (đào thải hoặc củng cố) các yếu tố văn hóa vốn có của mình và hình thành những cấu trúc, nội dung và đặc điểm mới mang bản sắc của nền văn hóa ngoại lai. Tiếp xúc văn hóa và tiếp biến văn hóa là những khâu kế tiếp nhau tất yếu.

Thuật ngữ tiếp biến văn hóa (acculturation) được các nhà văn hóa học Việt Nam từ thập kỷ 60 đến nay dịch theo nhiều cách khác nhau: “văn hóa hóa” (Nguyễn Khắc Viện), “hỗn dung văn hoá” (Nguyễn Đức Từ Chi), “đan xen văn hóa” (Trần Quốc Vượng), “tiếp biến văn hóa” (tiếp xúc và biến đổi văn hóa) (Hà Văn Tấn), “giao hòa văn hóa” (Hoàng Ngọc Hiến), “tương tác văn hóa” (Hữu Ngọc). Theo GS Trần Quốc Vượng, giao thoa văn hóa / tiếp biến văn hóa ý chỉ sự “móc ngoặc”, “móc nối” giữa hai hay nhiều nền văn hóa, để chuyển biến nền văn hóa bản địa do sự tương tác giữa hai yếu tố nội sinh và ngoại sinh.

Trong phạm vi của chuyên đề, chúng tôi sẽ nghiên cứu tiếp xúc văn hóa như là một quá trình, bắt đầu từ sự tiếp xúc, giao lưu của các chủ thể văn hóa đến từ các nền văn hóa khác nhau, đến khi kết thúc bằng những thay đổi trong

cấu trúc của mỗi nền văn hóa xảy ra như là kết quả tất yếu của quá trình tương tác ấy.

1.2.2. Các con đường tiếp xúc văn hóa

- *Tiếp xúc văn hóa thông qua hoạt động trao đổi kinh tế*: “Một trong những hoạt động có ý nghĩa đặc biệt đối với giao lưu văn hóa là trao đổi kinh tế. Giữa các cộng đồng sống trên các địa bàn khác nhau thường có sự trao đổi nguyên liệu hoặc sản phẩm với nhau mà sau này là sự trao đổi hàng hóa” (Hà Văn Tấn). Sự trao đổi kinh tế thường được tiến hành bằng những cuộc tiếp xúc tập thể hay cá nhân tại các địa điểm quy định trên đường biên giới giữa lãnh thổ của các cộng đồng (bộ lạc hay một nhóm bộ lạc). Cùng với việc trao đổi mua bán, họ còn trao đổi với nhau những sản phẩm văn hóa khác.

- *Tiếp xúc văn hóa thông qua các hoạt động trao đổi “phi kinh tế”*: như sự trao đổi tặng phẩm, vật phẩm tôn giáo... hay những sự tiếp xúc khác như quan hệ hôn nhân, quan hệ ngoại giao, quan hệ truyền giáo...

- *Tiếp xúc văn hóa thông qua các cuộc di cư*: Các cuộc thiên di lớn nhỏ, luôn luôn xảy ra trong thời nguyên thủy và cổ trung đại làm cho các tập đoàn người có văn hóa khác nhau đã tiến đến bên nhau hoặc sống xen kẽ vào nhau. Thời cận hiện đại lại xuất hiện những làn sóng di dân, tị nạn, nhập cư giữa các quốc gia. Sau hàng ngàn năm như vậy, các chủng tộc người đã di chuyển, gặp gỡ, hòa huyết với nhau, nên đến nay trên thế giới chắc chẳng còn dân tộc nào thuần chủng, chẳng có một nền văn hóa y nguyên. Di cư - đó cũng là một con đường quan trọng tạo ra sự tiếp xúc và giao lưu văn hóa.

1.2.3. Quy luật của sự tiếp xúc văn hóa

- Nói về nguyên nhân của sự tiếp xúc văn hóa, theo GS. Trần Quốc Vượng, trên bước đường phát triển của xã hội loài người, *cơ sở kinh tế* là nhân tố quyết định. Có thể nói, giao lưu văn hóa có xuất phát điểm từ nhu cầu trao đổi kinh tế của các cộng đồng người. Giao lưu văn hóa vừa là kết quả của trao đổi, vừa là chính bản thân của sự trao đổi.

- Về bản chất, giao lưu và tiếp biến văn hóa là sự tiếp nhận văn hóa nước ngoài bởi dân tộc chủ thể. Quá trình này luôn luôn đòi hỏi mỗi tộc người phải xử lý tốt mối quan hệ biện chứng giữa yếu tố nội sinh và yếu tố ngoại sinh.

- Vấn đề bản sắc văn hóa: Quan hệ biện chứng giữa yếu tố nội sinh và yếu tố ngoại sinh đặt ra đòi hỏi với chính tộc người chủ thể là nội lực của chính nó, hay nói cách khác là bản sắc và truyền thống văn hóa của tộc người tiếp nhận. Trên cái nhìn lịch sử, bản sắc và truyền thống không phải là yếu tố nhất thành bất biến. Sự vận động của mỗi nền văn hóa trong không gian và thời gian luôn luôn là sự vận động của các yếu tố bất biến và khả biến, giữa cái cố hữu và cái cách tân. Cái khả biến phát triển đến mức độ nào đó sẽ làm thay đổi chính thực thể văn hóa ấy, như quy luật lượng đổi, chất đổi trong triết học.

1.3. Tiếp xúc văn hóa Đông – Tây

1.3.1. Quá trình tiếp xúc văn hóa Đông – Tây

- Từ cổ đại cho đến sơ kì, trung kì thời Trung đại:

Từ cổ đại cho đến sơ kì, trung kì thời Trung đại, quan hệ Đông – Tây được thực hiện qua các cuộc chiến tranh của những đế chế lớn từ phương Tây bành trướng sang phương Đông như đế chế Hi Lạp, hay từ phương Đông bành trướng sang phương Tây như đế chế Ả-rập Hồi giáo, đế chế Mông Cổ, đế chế Ôtôman... và chủ yếu là qua giao lưu kinh tế, văn hóa qua hoạt động của các nhà thám hiểm, các nhà truyền giáo. Trong thời kì này, “con đường tơ lụa” giữ vai trò quan trọng như một hành lang thông thương về kinh tế và giao lưu về văn hóa.

Qua những hoạt động quân sự, những giao lưu kinh tế, văn hóa Đông – Tây, những tri thức của phương Đông về phương Tây và của cả phương Tây về phương Đông dần dần được tích lũy. Cho đến đầu thế kỉ XV, trong quan hệ Đông – Tây, phương Đông vẫn giữ vai trò ưu thế và vẫn tỏa chiếu ánh

sáng văn minh sang phương Tây với sự truyền bá nhiều thành tựu từ Trung Quốc, Ấn Độ, Tây Á sang các nước Địa Trung Hải.

- Từ hậu kì Trung đại cho đến thời Cận đại:

Trong những phát kiến địa lí cuối thế kỉ XV, việc nhà hàng hải và thám hiểm người Bồ Đào Nha Vasco Da Gama tìm ra con đường biển từ Đại Tây Dương vòng qua bờ biển Châu Phi sang Ấn Độ Dương giữ vai trò quan trọng trong quan hệ giao thương Đông – Tây. Từ đây “con đường tơ lụa trên biển” nối liền Đông Á với Nam Á và Tây Á phát triển thành con đường hàng hải nối liền ba đại dương, mở ra “thời đại thương mại” – thời đại hình thành và phát triển thương mại thế giới. Nhưng cũng từ đây ưu thế kinh tế - xã hội nghiêng hẳn về phương Tây. Ở những nước phát triển sớm của phương Tây, đầu thế kỉ XVI, chủ nghĩa tư bản ra đời.

Thế kỉ XVIII – XIX, cuộc cách mạng công nghiệp đưa những nước tiên tiến của Tây Âu đi vào con đường công nghiệp hóa, sáng lập ra nền văn minh công nghiệp. Trong lúc đó, cả châu Á và phương Đông nói chung vẫn còn trong tình trạng kinh tế phong kiến lạc hậu (trừ Nhật Bản đến nửa sau thế kỉ XIX mới phát triển mạnh). Chính tình hình chung đó đã làm cho phương Đông chậm tiến so với phương Tây và hậu quả là trở thành đối tượng xâm lược và thống trị của các nước thực dân phương Tây.

Từ cuối thế kỉ XIX, với các xã hội châu Á và phương Đông nói chung, cùng với sự tranh giành và thiết lập bản đồ hệ thống thuộc địa, các nước phương Tây đã bắt đầu cuộc “công nghiệp hóa cưỡng bức”, xây dựng cơ sở hạ tầng, đầu tư kinh tế để bóc lột, khai thác thuộc địa, từng bước làm thay đổi căn bản các xã hội ấy. Trong các xã hội châu Á vào thời điểm cuối thế kỉ XIX, người ta bắt đầu cuộc hành trình “hiện đại hóa” bằng những cuộc vận động cải cách chấn hưng dân trí, dân khí. Bước vào đầu thế kỉ XX, khi những yếu tố của chủ nghĩa tư bản đã lộ rõ trong nhiều không gian xã hội phương Đông, dù là thuộc địa hay nửa thuộc địa, cũng tất yếu diễn ra sự chuyển đổi

mô hình văn hóa, thiết chế văn hóa cũng như sự xuất hiện các loại hình văn hóa mới theo kiểu phương Tây.

- *Thời hiện đại:*

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, lịch sử nhân loại lại đi vào một bước ngoặt với sự phát triển và thành công của phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc của các nước thuộc địa và các nước phụ thuộc. Thắng lợi của sự nghiệp phi thực dân hóa đó làm thay đổi bản đồ thế giới và mối quan hệ Đông – Tây. Phương Đông thuộc địa đã thức tỉnh, trở thành các quốc gia, dân tộc độc lập và bằng nhiều con đường khác nhau xây dựng lại đất nước, từng bước tiến lên văn minh hiện đại. Khoảng cách Đông – Tây dần trở nên thu hẹp cùng với sự khủng hoảng của văn minh phương Tây trong thời đại kỹ trị, sự thoái trào của “chủ nghĩa Châu Âu trung tâm” và xu hướng toàn cầu hóa của thế giới hiện đại. Những di sản độc đáo của châu Á dần được đề cao. Quan hệ Đông – Tây dần tiến tới chỗ tôn trọng lẫn nhau, hợp tác bình đẳng.

1.3.2. Tính chất của các cuộc tiếp xúc văn hóa Đông – Tây

Nhà văn hóa Phạm Quỳnh ngay từ đầu thế kỷ XX từng nêu quan điểm về cuộc đụng độ giữa hai nền văn hóa phương Đông và phương Tây như sau: “Hai phần ấy của nhân loại đã sống cách xa nhau khá lâu, chúng hoàn toàn không biết đến nhau, mỗi bên đều nuôi dưỡng lý tưởng của mình. Lý tưởng của Phương Đông là lý tưởng về minh triết, thuận lợi cho một sự yên bình hạnh phúc. Lý tưởng của Phương Tây luôn là lý tưởng về sức mạnh. Nhằm khuất phục các lực lượng của tự nhiên để phục vụ con người, nó đã phát minh ra khoa học. Khoa học làm ra ngày càng nhiều phương tiện, tạo nên các nhu cầu, kích thích các ham muốn, và đưa ý chí về quyền lực lên đến độ cao nhất của nó, làm cho con người Phương Tây tràn ra khỏi môi trường tự nhiên của mình và ném họ vào cuộc chinh phục thế giới.

Từ đây sự cân bằng bị phá vỡ. Phương Tây lao về Phương Đông với tất cả niềm hăng say của chủ nghĩa đế quốc và tất cả sức mạnh kỹ thuật của họ,

và cuộc va chạm dữ dội cho đến nỗi các quốc gia Phương Đông một thời gian dài đã không gượng dậy được từ trạng thái bất ngờ và kinh ngạc của mình.

Cuộc gặp gỡ ấy đã có thể là tốt đẹp cho nhân loại nếu nó xảy ra trong những điều kiện ít tàn nhẫn hơn, thông qua con đường của những người ưu tú và trên bình diện một sự thông lưu của các lý tưởng và các học thuyết” (*Đông phương và Tây phương*, Tạp chí *Nam Phong*, 1924).

Quả thật, xem xét lại từ trong lịch sử, văn hóa phương Đông và phương Tây đã gặp gỡ nhau trong một “cuộc va chạm dữ dội” mà trong đó, văn hóa phương Đông chịu sự áp đảo mạnh mẽ từ văn hóa phương Tây và buộc phải có thái độ ứng biến trước sự áp đảo mạnh mẽ ấy.

Sự áp đảo của phương Tây

Trong thời cổ đại, thế giới có 3 nền văn minh tiêu biểu và rực rỡ nhất thì trong đó, phương Đông chiếm hai: Văn minh cổ đại Ấn Độ và văn minh cổ đại Trung Hoa. Còn phương Tây chỉ một: Văn minh cổ đại Hy La. Vậy mà, trải qua thời kỳ trung đại, do điều kiện địa lý, lịch sử của hai bên khác nhau mà dẫn đến tình trạng phương Tây bứt lên, phát triển ào ạt, tạo dựng được một nền văn minh vật chất, văn minh động (chữ dùng của *Đông kinh nghĩa thực* trong *Văn minh tân học sách*). Từ đó mà có cuộc tấn công, áp đảo của phương Tây đối với phương Đông trên mọi mặt: chính trị, kinh tế văn hóa, tinh thần...

Thái độ tiếp nhận của phương Đông

- Một là thái độ đối đầu, cự tuyệt. Đây là thái độ phổ biến của các dân tộc trong buổi đầu tiếp xúc với văn minh phương Tây. Ví dụ điển hình nhất là ở các bộ tộc da đỏ ở châu Mỹ Latinh khi họ chấp nhận bị hủy diệt chứ không chịu sống chung với văn minh phương Tây. Hay Việt Nam cũng từng có thái độ cương quyết như thế, nhất là trong khung cảnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đang ở giai đoạn quyết liệt vào cuối thế kỉ XIX.

- Hai là tiếp nhận không điều kiện văn minh phương Tây, ý thức hoặc vô thức, một giải pháp mà trong nhiều trường hợp được coi là thái độ vong bản về văn hóa.

Ở nhiều nước Châu Phi đã từng có tình trạng khi bị thực dân hóa, các cộng đồng dân tộc này đã “bằng lòng” với việc tiếp nhận hoàn toàn văn minh phương Tây, trước hết là việc sử dụng ngôn ngữ của chính quốc như tiếng Pháp, Anh và Tây Ban Nha trong tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Thậm chí khi đã giành được độc lập, cái áo khoác của nền văn minh phương Tây vẫn không hề thay đổi.

- Ba là tiếp thu có chọn lọc hay nói đúng hơn là thái độ *thâu hóa* văn minh phương Tây, tạo ra giá trị mới. Đây chính là thái độ văn hóa đúng đắn nhất với các dân tộc phương Đông và nó đã trở thành một giải pháp tối ưu.

1.3.3. Tiếp xúc văn hóa Đông Tây ở Việt Nam

Theo GS Trần Ngọc Thêm trong Giáo trình *Cơ sở văn hóa Việt Nam* thì tiến trình văn hóa Việt Nam có thể chia thành 6 giai đoạn: văn hóa tiền sử, văn hóa Văn Lang - Âu Lạc, văn hóa thời chống Bắc thuộc, văn hóa Đại Việt, văn hóa Đại Nam và văn hóa hiện đại. Sáu giai đoạn này tạo thành ba lớp: lớp văn hóa bản địa, lớp văn hóa giao lưu với Trung Hoa và khu vực, lớp văn hóa giao lưu với phương Tây.

Từ đó có thể thấy tầm quan trọng của tiếp xúc văn hóa Đông Tây trong diễn trình văn hóa dân tộc. Nguyên nhân dẫn đến các cuộc tiếp xúc văn hóa này, như GS. Trần Ngọc Thêm đã chỉ ra, đó là do Việt Nam nằm ở vị trí ngã tư đường của các nền văn minh, khiến người Việt Nam tiếp nhận được nhiều giá trị văn hóa nhân loại. Đặc trưng nổi bật trong quá trình giao lưu văn hóa nhiều thế kỉ này là tính tổng hợp - dung hợp – tích hợp. Chẳng hạn, tiếp thu văn hóa Ấn Độ theo cách của mình, chúng ta có nền văn hóa Chăm độc đáo và một nền Phật giáo Việt Nam. Tiếp thu văn hóa Trung Hoa, ta có Nho giáo và Đạo giáo. Văn hóa phương Tây đem lại Kitô giáo cùng những giá trị văn hóa vật chất và tinh thần mới mẻ. Tinh thần bao dung, hiếu hòa, rồi tính tổng

hợp và linh hoạt đã chi phối mạnh mẽ đến cách người Việt Nam tiếp thu những hiện tượng văn hóa ngoại sinh, khiến họ không bị đồng hóa mà ngược lại, luôn chiến thắng trong những cuộc chiến tranh xâm lược dai dẳng và tàn khốc của Trung Hoa, Mông Cổ, rồi Pháp, Mĩ.

Chương 2: Quá trình tiếp xúc văn hóa Đông – Tây ở Việt Nam

2.1. Thời cổ trung đại

2.1.1. Lóp văn hóa bản địa hay những yếu tố nội sinh của văn hóa Việt Nam

Muốn nghiên cứu sự giao lưu và tiếp biến trong văn hóa Việt Nam cần hiểu nền tảng tạo ra những yếu tố nội sinh của văn hóa Việt Nam. Nền tảng ấy chính là cơ tầng văn hóa Nam Á và Đông Nam Á.

(Xem chi tiết trong Giáo trình *Cơ sở văn hóa Việt Nam* của GS. Trần Ngọc Thêm)

2.1.2. Sự giao lưu văn hóa với Trung Hoa và khu vực

2.1.2.1. Giao lưu và tiếp biến với văn hóa Trung Hoa

Sự giao lưu và tiếp biến giữa văn hóa Việt Nam và văn hóa Trung Hoa là sự giao lưu, tiếp biến rất dài trong nhiều thời kì của lịch sử Việt Nam. Cho đến hiện nay, không một nhà văn hóa học nào lại phủ nhận ảnh hưởng lớn của văn hóa Trung Hoa đối với văn hóa Việt Nam. Quá trình giao lưu tiếp biến ấy diễn ra cả hai trạng thái: giao lưu cưỡng bức và giao lưu không cưỡng bức.

- *Giao lưu văn hóa cưỡng bức*: Việc này xảy ra vào những giai đoạn lịch sử mà người Việt bị đô hộ, bị xâm lược: từ thế kỉ I đến thế kỉ X và từ 1407 đến 1427.

- *Giao lưu, tiếp biến văn hóa tự nguyện*:

Trong nền văn hóa Đông Sơn, người ta nhận thấy khá nhiều di vật của văn hóa phương Bắc nằm cạnh những hiện vật của văn hóa Đông Sơn.

Sau một ngàn năm Bắc thuộc, đất nước đã độc lập, người phương Bắc không cai trị Đại Việt nữa, nhưng giao lưu, tiếp biến văn hóa vẫn xuất hiện và đó là giao lưu văn hóa tự nguyện. Sự mô phỏng mô hình Trung Hoa được các triều đại của nhà nước quân chủ Đại Việt đẩy mạnh. “Trong một thời gian dài, Nho giáo được coi là ý thức hệ chính thống” (Trần Đình Hượu).

Cả hai dạng thức của giao lưu, tiếp xúc văn hóa cưỡng bức và tự nguyện với Trung Hoa đều là nhân tố cho sự vận động của văn hóa Việt Nam

qua diễn trình lịch sử. Người Việt đã tạo ra khá nhiều thành tựu trong quá trình tiếp xúc văn hóa này.

2.1.2.2. Giao lưu và tiếp biến với văn hóa Ấn Độ

Khác với Trung Hoa có biên giới đường bộ với Việt Nam, Ấn Độ không có sự tiếp giáp trực tiếp với Việt Nam, nhưng nền văn hóa Ấn Độ lại có ảnh hưởng sâu đậm đến văn hóa Việt Nam. Trên nhiều bình diện, văn hóa Ấn Độ “thấm thấu” (chữ dùng của GS. Phạm Đức Dương) bằng nhiều hình thức và liên tục.

Khi nghiên cứu về văn hóa Óc Eo (nền văn hóa đã biến mất vào thế kỉ VIII), các nhà văn hóa đã khẳng định đây là nền văn hóa của “một quốc gia ngay từ buổi đầu đã được xây dựng trên cơ sở một nền nông nghiệp trồng lúa nước khá phát triển bắt nguồn từ vùng ruộng nương trung nguyên sông Cửu Long của cư dân Môn – Khome kết hợp với nghề biển cổ truyền của cư dân Nam Đảo. Trên cơ tầng đó, các đạo sĩ Bàlamôn từ Ấn Độ đã tổ chức một quốc gia mô phỏng theo mô hình Ấn Độ trên tất cả mọi mặt: tổ chức chính trị, thiết chế xã hội, đô thị hóa, giao thông, kĩ thuật công nghiệp cùng một hệ thống tôn giáo và các nền văn hóa kèm theo, trong đó đạo Bàlamôn đóng vai trò chi phối, đạo pháp Bàlamôn là tối thượng, chữ Brahmi của Sanacrit là chữ thánh hiền”.

Đối với văn hóa Champa, nhận xét về mối quan hệ giữa nó với văn hóa Ấn Độ, TS. Ngô Văn Doanh khẳng định: “Một điều không thể phủ nhận được là những ảnh hưởng Ấn Độ đã góp một phần cực kì quan trọng vào quá trình hình thành ra vương quốc Champa cũng như một nền văn hóa phát triển rực rỡ và đầy bản sắc – văn hóa Champa”. Người Chăm tiếp nhận mô hình văn hóa Ấn Độ từ việc xây dựng một chế độ vương quyền đến việc tạo dựng mọi thành tố của nền văn hóa Champa.

Ở vùng châu thổ Bắc bộ, trước khi văn hóa Ấn Độ tràn vào, văn hóa Việt đã định hình và phát triển. Người Việt ở đây tiếp thu văn hóa Ấn Độ vừa trực tiếp vừa gián tiếp. Những thế kỉ đầu công nguyên, châu thổ Bắc bộ là địa

bàn trung chuyển văn hóa Ấn Độ, nhất là tôn giáo. Các nhà sư từ Ấn Độ đi qua Luy Lâu (nay thuộc Thuận Thành, Bắc Ninh) để rồi tìm đường lên phương Bắc và các nhà sư từ Trung Quốc sang Ấn Độ tìm kinh cũng qua Luy Lâu, coi đây là trạm dừng chân.

Nhìn chung, việc giao lưu, tiếp biến giữa văn hóa Việt Nam và văn hóa Ấn Độ, qua từng thời kì lịch sử và ở từng vùng đất diễn ra khác nhau, nhưng cơ bản là giao lưu, tiếp biến một cách tự nhiên, tự nguyện.

2.1.2.2. Giao lưu và tiếp biến với văn hóa Nhật Bản

Là quốc đảo ở Đông Á, văn hóa Nhật Bản ảnh hưởng đến Việt Nam muộn hơn và chủ yếu thông qua con đường thương mại.

Từ thế kỉ XVI, nhiều thương nhân Nhật Bản đã đến sinh sống và buôn bán tại Việt Nam. Họ sống chung với cư dân bản địa, hình thành nên một số khu đô thị của người Nhật Bản mà tiêu biểu là Hội An. Đến thế kỉ XVII, do trao đổi thương mại phát triển mạnh mẽ, người Việt thấy tiền đồng của người Nhật và từ đó đã lấy chữ “đồng” làm đơn vị tiền tệ của mình. Như vậy, bằng con đường thương mại, người Việt Nam không chỉ tiếp thu sự phát triển của kinh tế Nhật Bản mà còn bắt đầu tiếp nhận ảnh hưởng những giá trị văn hóa của họ. Việc tiếp nhận văn hóa Nhật sau này diễn ra mạnh mẽ hơn vào đầu thế kỉ XX và trong thời hiện đại, dưới xu hướng khu vực hóa và toàn cầu hóa.

Trong diễn trình văn hóa Việt Nam, việc giao lưu tiếp biến văn hóa với Nhật Bản vừa diễn ra trong sự tự nguyện vừa là sự cưỡng bức văn hóa. Thời trung đại, những giao lưu văn hóa diễn ra ở thương cảng Hội An hoàn toàn là tự nguyện. Trong Đại chiến thế giới 2, Nhật Bản đã xâm lược Việt Nam và áp đặt nhiều chính sách áp bức văn hóa. Tuy nhiên, người Việt Nam không hề thụ động tiếp thu văn hóa Nhật mà chủ động sáng tạo tiếp biến, biến đổi các yếu tố ngoại lai đó để phù hợp với bản sắc văn hóa của mình.

2.1.3. Bước đầu của việc giao lưu văn hóa với phương Tây

Không phải đến khi người Pháp vào xâm lược, giao lưu giữa văn hóa Việt Nam và văn hóa phương Tây mới diễn ra. Mà ngay từ trong văn hóa của

cư dân Óc Eo, người ta đã nhận thấy nhiều di vật của các cư dân La Mã cổ đại: “2 huy chương hay tiền La Mã, một vật thời Antonics (152 năm sau công nguyên), 1 vật thời Marcus Anrelius (161 – 180 sau công nguyên)... Những di vật đó nói lên rằng Óc Eo đã có những quan hệ thương mại quốc tế rộng rãi” (Hà Văn Tấn).

Sau thời Trung Cổ nặng nề khiến cho sự giao lưu bị gián đoạn, sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục ghi nhận "vào năm Nguyên Hòa thứ 1 đời vua Lê Trang Tông (1533) có một người Tây dương tên là I-nê-khu (= Ignatio) theo đường biển lên vào giảng đạo Gia Tô ở các làng Ninh Cường, Quần Anh, Trà Vũ (thuộc Nam Định cũ)". Từ đó, các giáo sĩ Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha tìm đến ngày càng đông. Sự tiếp xúc văn hóa trong giai đoạn đầu diễn ra trên phương diện tôn giáo và thương mại.

2.2. Thời cận đại

Cũng như nhiều dân tộc phương Đông, cuộc tiếp xúc và đụng độ với văn minh phương Tây ở nước ta từ đầu thế kỉ XVII là một thách đố chưa từng có trong lịch sử, nó khác hoàn toàn với những trải nghiệm của dân tộc ta khi tiếp xúc và đụng độ với văn minh Trung Hoa, Ấn Độ, Nhật Bản và các nền văn hóa khác ở khu vực Đông Nam Á.

Như trên đã nói, từ thế kỉ XVI, các linh mục ở phương Tây đã vào truyền giáo ở vùng Hải Hậu (nay thuộc Nam Định). Chúa Trịnh vua Lê ở Đàng Ngoài cũng như các chúa Nguyễn ở Đàng Trong, rồi nhà Tây Sơn đều có quan hệ với phương Tây. Tuy nhiên, quan hệ thực sự diễn ra vào nửa sau thế kỉ XIX, khi thực dân Pháp đánh chiếm cửa Cần Giờ và đặt ách cai trị lên dân tộc Việt Nam. Đây là thời kì biến động lớn về tư tưởng và chính trị, đồng thời văn hóa Việt Nam cũng có sự thay đổi căn bản. Nhìn ở phương diện tính chất, giao lưu văn hóa ở thời kì này có hai dạng: thứ nhất là giao lưu một cách cưỡng bức, áp đặt, thứ hai là tiếp nhận một cách tự nguyện.

2.2.1. Giai đoạn đầu của cuộc tiếp xúc văn hóa Đông Tây (đầu thế kỉ XVII đến 1862)

Ở giai đoạn này, cuộc tiếp xúc văn hóa Đông Tây chủ yếu diễn ra trên lĩnh vực tôn giáo, học thuật, quan hệ giao thương với phương Tây, sự phổ biến kỹ thuật phương Tây trong cung đình ở cả Đàng Trong và Đàng Ngoài.

Về phương diện tiếp xúc văn hóa Đông Tây buổi đầu ở nước ta, không phải người Pháp mà chính người Bồ Đào Nha mới là những người có vị trí đáng kể đầu tiên. Những hoạt động truyền giáo của các giáo sĩ người Bồ Đào Nha đã diễn ra từ đầu thế kỷ XVII ở Đàng Trong rồi Đàng Ngoài. Năm 1557, từ Ma Cao, người Bồ đã có quan hệ buôn bán với Đàng Trong, đặc biệt là ở Hội An, Đầu thế kỷ XVII, Joas de Cruz lập phường Đúc nổi tiếng ở Huế (chuyên đúc súng). Các chúa Nguyễn giao hảo với các nhà truyền giáo dòng Tên đến từ Ma Cao ngày một đông. Họ giới thiệu với các chúa Nguyễn về thiên văn, địa lí, ngôn ngữ, một số môn khoa học tự nhiên như toán pháp, sinh vật học, y học và thiên văn. Những quan hệ như vậy cũng diễn ra tương tự với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài.

Trong giai đoạn này của cuộc tiếp xúc văn hóa Đông Tây, mặc dù hoàn cảnh chính trị nước ta khá đặc biệt (Trịnh – Nguyễn phân tranh) nhưng các thế lực phong kiến nước ta vẫn cởi mở và thực dụng cho việc tiếp nhận một số giá trị văn hóa, văn minh phương Tây theo nguyên tắc đa phương.

2.2.2. Giai đoạn thứ hai của cuộc tiếp xúc văn hóa Đông Tây (từ 1862 đến 1945)

Từ Hiệp ước Nhâm Tuất năm 1862 khi ba tỉnh miền Đông Nam kì rơi vào tay thực dân Pháp đến khi chế độ thuộc địa bị sụp đổ năm 1945 thì cuộc tiếp xúc văn hóa Đông Tây thực sự diễn ra trên cả bề rộng và chiều sâu, làm thay đổi căn bản đời sống văn hóa, xã hội của dân tộc ta trước Cách mạng tháng Tám.

Sau khi dập tắt phong trào Cần Vương (1885 – 1896), người Pháp đã tiến hành khai thác xứ Đông Dương bằng hai cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 – 1914) và lần thứ hai (1919 – 1929).

Trong và sau hai cuộc khai thác ấy, họ đã thực sự nhào nặn Việt Nam thành một xứ thuộc địa điển hình, từ cơ cấu chính trị, đặc tính kinh tế đến các quan hệ xã hội và văn hóa, tác động hết sức sâu sắc đến tình hình kinh tế, xã hội nước ta: công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa ra đời, xuất hiện một hệ thống đô thị và những giai cấp, tầng lớp mới, trong đó quan trọng nhất là sự ra đời của giai cấp công nhân, tư sản và tiểu tư sản. Sự hình thành các đô thị và các giai cấp mới đã làm thay đổi lối sống và tâm lí của một bộ phận lớn dân cư, dẫn đến sự đảo lộn của những giá trị truyền thống và giá trị mới.

Chính sách nô dịch văn hóa của thực dân Pháp và sự hình thành xã hội thuộc địa đã khiến cho văn minh phương Tây thâm nhập ngày càng sâu vào đời sống văn hóa – xã hội của nước ta, đặc biệt là từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Việc đô thị hóa đã tạo nên một nếp sống thành thị hóa. Thực dân Pháp đã tạo nên ở các đô thị một “môi trường văn hóa Pháp” ngày càng có chiều sâu, thực sự có sức hấp dẫn và ảnh hưởng mạnh mẽ đến giới trí thức Tây học người Việt đang hình thành.

2.2.3. Tác động của cuộc tiếp xúc văn hóa Đông – Tây ở Việt Nam thời cận đại

Quá trình giao lưu và tiếp xúc với văn hóa Pháp nói riêng, văn hóa phương Tây thời cận đại đã khiến người Việt Nam thay đổi cấu trúc lại nền văn hóa của mình, đi vào vòng quay của văn minh phương Tây giai đoạn công nghiệp. Diện mạo văn hóa Việt Nam thay đổi mạnh mẽ trên nhiều phương diện (mà chúng tôi sẽ trình bày kĩ ở chương 3).

Cuộc tiếp xúc văn hóa Đông Tây diễn ra trong hoàn cảnh nhân dân ta một mặt phải tiến hành cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân giành độc lập dân tộc, mặt khác phải tiếp nhận nền văn hóa phương Tây để hiện đại hóa đất nước. Nơi đây tiếp biến văn hóa được diễn ra trên bình diện tiếp xúc Đông Tây với hai hệ quy chiếu đường như đối lập. Cuộc gặp gỡ ấy tỏ ra rất trái khoáy không có gì là thú vị, ấy thế mà chỉ trong thời gian tương đối ngắn (so với sự tiếp xúc văn hóa phương Đông thời cổ trung đại), nền văn hóa của Việt

Nam đã được cấu trúc hóa lại dẫn đến việc chúng ta từng bước “rời bỏ “phương thức sản xuất châu Á” tức là nền văn minh nông nghiệp truyền thống để đi vào quỹ đạo của nền văn minh công nghiệp phương Tây” (Phạm Đức Dương). Kết quả là văn hóa Việt Nam giai đoạn này thay đổi diện mạo nhưng không hề đánh mất bản sắc dân tộc.

2.3. Thời hiện đại

Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, việc giao lưu, tiếp xúc văn hóa Đông Tây ở Việt Nam có sự thay đổi rõ nét so với các giai đoạn trước. Với quan điểm mà đồng chí Đỗ Mười đã tuyên bố tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng cộng sản Việt Nam: “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước”, hoàn cảnh lịch sử của giao lưu và tiếp biến văn hóa đã thay đổi về nhiều phương diện:

Thứ nhất, sự tiến bộ của các ngành khoa học kỹ thuật, đặc biệt là sự bùng nổ của công nghệ thông tin khiến cho văn hóa, các sản phẩm văn hóa càng đa dạng và phong phú. Nói khác đi, giao lưu và tiếp biến văn hóa là giao lưu và tiếp biến văn hóa ở thời đại tin học. Lịch sử hôm nay có những hình thức sản phẩm giao lưu mà trước kia chưa hề có, phương tiện giao lưu văn hóa lại đa dạng, phong phú.

Thứ hai, công cuộc đổi mới và mở cửa hôm nay hoàn toàn do dân tộc Việt Nam chủ động, khiến cho việc giao lưu văn hóa là hoàn toàn tự nguyện, chủ động chứ không hề bị áp đặt hay cưỡng bức.

Nhìn lại trong quá trình phát triển lịch sử, dân tộc Việt Nam đã đối thoại với nhiều nền văn hóa, có trình độ văn minh cao hơn, trong đó có văn hóa Trung Quốc, văn hóa Phương Tây. Quá trình tiếp biến văn hóa dài lâu ấy, có cả cưỡng bức văn hóa và đối thoại văn hóa, có lúc yếu tố này mạnh hơn yếu tố kia, có khi vừa chống lại vừa tiếp thu, khi mạnh lúc yếu... Văn hóa Việt Nam đã thể hiện sự dung hợp trong tiếp nhận và tiếp biến văn hóa. Nhiều yếu tố văn hóa đông tây đã được biến đổi làm giàu cho văn hóa Việt Nam mà vẫn giữ được bản sắc dân tộc.

Chương 3: Kết quả tiếp xúc văn hóa Đông – Tây ở Việt Nam

3.1. Sự thay đổi cấu trúc của nền văn hóa Việt Nam thời cận đại

Sự thay đổi cấu trúc của nền văn hóa Việt Nam chỉ diễn ra trong thời cận đại, như là kết quả của quá trình tiếp xúc với văn hóa phương Tây, đặc biệt là văn hóa Pháp. Mặc dầu thời gian chịu ảnh hưởng trực tiếp của văn hoá Pháp chỉ 60 năm, có thể nói văn hoá Việt Nam đã thay đổi rõ rệt hơn thời gian tiếp xúc văn hoá Hán trên hai ngàn năm.

Sở dĩ có hiện tượng như vậy là do xét về bề mặt, mọi mặt của văn hoá Việt Nam trước đây đều mang hình thức Trung Quốc, nên trong suốt quá trình tiếp xúc, văn hoá Trung Quốc không tạo nên được một sự thay đổi về hệ tư tưởng. Việt Nam và Trung Quốc đều là biểu hiện của cùng một phương thức sản xuất gọi là phương thức sản xuất châu Á, đều là những biểu hiện của nền kinh tế công nạp. Có sự khác nhau về trình độ, nhưng không khác nhau về bản chất.

Trước công cuộc xâm lăng về văn hóa của thực dân Pháp, ở Việt Nam đã diễn ra sự thay đổi mô hình văn hóa (vĩ mô) song song với sự thay đổi về những sinh hoạt văn hóa cụ thể (vi mô). Nền văn hóa Việt Nam cũng được hiện đại hóa theo quỹ đạo của nền văn minh công nghiệp phương Tây. Đồng thời người Việt cũng không ngừng đấu tranh để giữ gìn bản sắc văn hóa của mình, lựa chọn những giá trị văn hóa phương Tây mới, đích thực để chống lại sự nô dịch văn hóa của thực dân Pháp; từng bước giành lại sự chủ động trong tiếp thu văn hóa.

Dưới đây, chúng tôi chọn lựa một số lĩnh vực tiêu biểu để chứng minh sự tái cấu trúc lại nền văn hóa Việt Nam như là kết quả của việc tiếp xúc văn hóa Đông Tây, qua đó khẳng định những thành tựu văn hóa mà người Việt Nam đã giành được trong một môi trường văn minh phương Tây cưỡng chế.

3.1.1. Sự hình thành tầng lớp trí thức Tây học

Để tiến hành du nhập văn minh phương Tây vào Việt Nam cũng như giải quyết vấn đề “tính hiện đại” ở một xứ thuộc địa thì họ phải mở thêm

nhiều loại trường đào tạo. Tuy nhiên, khi trình độ dân trí của người Việt được nâng cao, tinh thần quốc gia dân tộc phát triển mạnh sẽ đưng độ đến quyền lợi, sự tồn tại của chế độ thuộc địa. Vì thế một mặt chính quyền thực dân mở nhiều trường đào tạo, mặt khác lại sử dụng chính sách văn hóa nô dịch, ngu dân xen kẽ.

Tuy số trường mở ra hạn chế nhưng số lượng giáo viên, học sinh đến cuối thập kỉ 1920 đã lên tới 80 vạn người. Phần lớn tầng lớp trí thức mới có bằng “Thành chung” hay “Cao đẳng tiểu học”, số ít có bằng “Tú tài bản xứ” hoặc “Tú tài Tây”, đã tạo ra một tầng lớp trí thức Tây học, lớp “thượng lưu” với rất nhiều tên tuổi trong nhiều lĩnh vực, tạo thành động lực mới của nền văn hóa chính thống từ Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Tiến Lãng cho đến những người như Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh, Đào Duy Anh và Nguyễn Văn Huyền. Nở rộ trong bộ phận này là sự xuất hiện các cây bút văn học, nghệ thuật hấp thụ được cái tinh hoa văn hóa, văn học Pháp, đồng thời có khả năng nâng cao khả năng của chữ quốc ngữ tạo ra nền văn học Việt Nam hiện đại như Nguyễn Trọng Quản, Trương Vĩnh Ký, Hoàng Ngọc Phách, Phạm Duy Tồn, Nhất Linh, Khải Hưng, Hoàng Đạo, Xuân Diệu, Huy Cận, Vũ Hoàng Chương...

Dưới ảnh hưởng của sự giao lưu tiếp xúc văn hóa Đông Tây, một số nhà Nho cũng đã chuyển từ Hán học sang Tây học. Nhiều nhóm đã tích cực dùng chữ quốc ngữ để quảng bá văn hóa Tây phương, bổ túc cho văn hóa cổ truyền như các nhóm *Thanh nghị*, *Tri tân*. Có những nhóm lại dùng chữ quốc ngữ, chữ Hán và cả chữ Pháp để giới thiệu văn hóa phương Tây, văn chương Pháp như nhóm Nam phong của Phạm Quỳnh, nhóm Đông Dương tạp chí và Trung Bắc tân văn của Nguyễn Văn Vĩnh.

Việc xuất hiện một tầng lớp trí thức Tây học như thế thực sự tạo ra “cái đầu tàu” của văn hóa chính thống.

3.1.2. Sự hình thành lối sống Âu hóa

Cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, ở nước ta có hai cuộc vận động Duy tân – Phong hóa. Lối sống Âu hóa theo hướng tiến bộ đã thu hút đông đảo người dân đô thị, đặc biệt là tầng lớp trẻ. Từ cách ăn mặc, giao tiếp, ứng xử đều có sự thay đổi. Đó là chưa kể phương thức đi lại (tàu hỏa, ô tô, xe đạp, xe tay...), nhà cửa và quy chế cá nhân đã thay đổi. Lối tư duy cũng có sự thay đổi, từ lối tư duy kiểu tiên nghiệm Á Đông dần thay bằng lối tư duy logic, thực chứng của phương Tây. Đây vừa là kết quả của cuộc tiếp xúc văn hóa Đông Tây, vừa là động lực cho một cao trào văn hóa, chính trị và xã hội mới.

Theo tác giả Đoàn Thêm, sự biến đổi về lối sống được khu biệt hóa trên những lĩnh vực và hình thái cụ thể:

Thứ nhất, trong nếp sống đời tư, ông nhấn mạnh những thay đổi về lễ nghi và khánh tiết: nghi lễ, hiếu hỉ, nghề nghiệp, các ngày lễ và ngày nghỉ theo dương lịch. Bên cạnh đó là những thay đổi trong liên hệ và sinh hoạt gia đình như: sự dung hòa tinh thần Nho giáo và tự do cá nhân phương Tây, kết cấu gia đình mới, hình ảnh những người chủ gia đình, những giáo huấn cho đến quan hệ mới giữa họ hàng và bạn hữu.

Thứ hai, trong nếp sống đời công, ông tập trung trình bày bộ máy công quyền và hình ảnh của người công chức Việt Nam thời Pháp thuộc như chế độ làm việc, quan hệ giữa viên chức người Việt với người chủ và viên chức người Pháp cũng như giữa nhân viên Việt với xứ sở.

Tác giả phác họa: “Trong xã hội thời Pháp thuộc, không thành phần nào chịu ảnh hưởng Pháp rõ rệt và sâu xa hơn giới nhân viên công sở. Rất dễ hiểu, vì công chức chẳng những là người Tây học, lại cùng người Pháp sát cánh hàng ngày hoặc chạm trán luôn, khi làm việc họ phải theo lề lối Pháp, nói tiếng Pháp, viết văn Pháp. Đời công của họ do Pháp tạo thành và chi phối, tất nhiên in đậm dấu vết Pháp”. (*Nhà quê ra tỉnh – Tìm hiểu và xét lại con người và nếp sống Việt Nam xưa và nay*, Cơ sở xuất bản Phạm Quang Khải, Hoa Kỳ, 1996).

Có thể nói, sự đổi mới lối sống có không ít tác động tích cực đến thành quả của cuộc tiếp xúc văn hóa Đông Tây ở nước ta thời cận đại, đó là sự xuất hiện những loại hình văn hóa mới và sự tiếp biến văn hóa phương Tây trong một số loại hình văn hóa truyền thống Việt Nam.

3.1.3. Sự xuất hiện những loại hình văn hóa mới

- 1) Chữ quốc ngữ
- 2) Báo chí
- 3) Nhiếp ảnh và điện ảnh
- 4) Kịch nói
- 5) Thể thao

(Chi tiết: xem tài liệu *Tính hiện đại và sự chuyển biến của văn hóa Việt Nam thời cận đại* do GS. Đỗ Quang Hưng chủ biên, tr.163 – tr.294)

3.1.4. Sự tiếp biến văn hóa phương Tây trong một số loại hình văn hóa truyền thống

- 1) Giáo dục
- 2) Văn học
- 3) Âm nhạc
- 4) Hội họa
- 5) Kiến trúc

(Chi tiết: xem tài liệu *Tính hiện đại và sự chuyển biến của văn hóa Việt Nam thời cận đại* do GS. Đỗ Quang Hưng chủ biên, tr.295 – tr.384)

Tóm lại, có thể rút ra một số nhận xét qua sự khảo sát sơ bộ những thay đổi trong cấu trúc nền văn hóa Việt Nam dưới áp lực của văn minh phương Tây thời cận đại:

Thứ nhất, là một thuộc địa điển hình của thực dân Pháp, từ rất sớm chúng có chính sách và ý đồ đồng hóa văn hóa nước ta, xóa bỏ ảnh hưởng Nho học, hạn chế những giá trị truyền thống. Thực dân Pháp đã tạo ra một môi trường văn minh phương Tây cưỡng chế, du nhập hầu hết những loại

hình sinh hoạt văn hóa phương Tây vào Việt Nam nhằm thống trị lâu dài ở nước ta.

Thứ hai, cùng với sự thay đổi mô hình, thiết chế văn hóa, sự tái cấu trúc lại nền văn hóa khiến các hình thức sinh hoạt văn hóa mới cũng dần hình thành ở nước ta. Nhiều lĩnh vực tỏ ra bén rễ nhanh và đạt đến một trình độ khá thuần thục trong toàn bộ sinh hoạt văn hóa nước ta. Điều này phản ánh sự nhạy bén, nhanh chóng thích nghi, khả năng dung hợp linh hoạt của người Việt.

Thứ ba, những sinh hoạt văn hóa mới ở những mức độ khác nhau đều phản ánh quyết tâm của người Việt, của giới trí thức luôn giữ tinh thần dân tộc và tiến bộ, sàng lọc những giá trị mới của phương Tây, nhào nặn với những giá trị truyền thống, tạo nên những giá trị đích thực và quý báu. Đó luôn là những di sản cần được giữ gìn và phát huy trong điều kiện mới, thời đại mới.

3.2. Toàn cầu hóa văn hóa và vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc

3.2.1. Toàn cầu hóa văn hóa – xu thế tất yếu của thế kỉ XXI

Xu hướng toàn cầu hoá xuất hiện vào khoảng những năm 1870 – 1913, cho đến ngày nay nó đã trở nên phổ biến và ngày càng diễn ra hết sức sôi động trên hầu hết mọi mặt của đời sống xã hội. Và một trong những vấn đề được nhiều người quan tâm đó là toàn cầu hóa văn hóa – bởi xu hướng này đang diễn ra quyết liệt và sâu sắc hơn.

“Toàn cầu hoá văn hoá có thể được hiểu là quá trình văn hoá các dân tộc, thông qua giao lưu, dung hợp, xâm nhập và bổ sung lẫn nhau, không ngừng phá vỡ tính hạn chế về khu vực và về mô hình của văn hoá dân tộc mình và trong sự bình phán và chọn lọc của loài người mà đạt được sự hoà đồng văn hoá, không ngừng chuyển các nguồn khu vực của văn hoá dân tộc mình thành các nguồn hưởng thụ chung, sở hữu chung của loài người. Tuy nhiên, điều cần chú ý là toàn cầu hoá văn hoá là một quá trình bao gồm sự xung đột, giao lưu, dung hợp giữa các nền văn hoá dân tộc, đồng thời bản thân nó cũng là

một kết quả, tức là các nguồn khu vực của văn hoá các dân tộc có thể được loài người cùng hưởng cùng sở hữu. Nhưng nó tuyệt nhiên không có nghĩa là sự mất đi của các nền văn hoá dân tộc để hình thành nên một thứ văn hoá có tính toàn cầu thống nhất, liên thông, phổ quát” (C. Mác-Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, t 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995).

Toàn cầu hoá văn hoá đã tạo ra những cơ hội, thách thức và rủi ro đối với các nền văn hoá khác nhau trong việc quảng bá nền văn hoá của mình ra bên ngoài. Trong quá trình toàn cầu hoá, các nền văn hoá đều bình đẳng, giao lưu với nhau trong thế bình đẳng, đều có những chỗ “mạnh”, những chỗ “yếu”, đều có “quyền” tự do nhìn nhận, lựa chọn, thử nghiệm để tiếp nhận từ “kẻ khác” những gì mà họ muốn tiếp nhận.

Tuy nhiên, không phải mọi quốc gia đều tham gia vào quá trình toàn cầu hoá với những mức độ giống nhau và đều được bình đẳng như nhau. Khi tham gia vào toàn cầu hoá, các nước phát triển có rất nhiều lợi thế. Phần còn lại của thế giới thì chịu thiệt thòi về nhiều mặt và gặp nhiều thách thức. Mặc dù vậy, trong thế giới ngày nay, các quốc gia không thể tẩu chay hoàn toàn toàn cầu hoá hoặc đứng ngoài quá trình toàn cầu hoá. Vấn đề đối với tất cả các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước kém phát triển, là phải có chiến lược thích ứng và khôn ngoan để vượt qua thử thách và chớp lấy thời cơ; trong quá trình hội nhập thế giới phải có ý thức giữ vững chủ quyền quốc gia, độc lập dân tộc, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ để đưa quốc gia dân tộc mình đến chỗ phồn vinh.

3.2.2. Hội nhập Đông - Tây với vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc

Theo GS Đinh Xuân Lâm, văn hóa khắc họa bản sắc và phương thức tồn tại của một cộng đồng, khiến cộng đồng ấy có một đặc thù riêng. Như vậy, văn hóa mang bản sắc dân tộc. Và yếu tố dân tộc là yếu tố quyết định nhất của một nền văn hóa. Bản sắc văn hóa dân tộc là cái "hồn", là sức sống nội sinh, là cái thể căn cước của mỗi dân tộc, để phân biệt dân tộc này với dân tộc

khác, từ đó nó có thể biểu lộ một cách trọn vẹn nhất sự hiện diện của mình trong quá trình giao lưu và hội nhập.

Bản sắc văn hóa Việt Nam là tố chất được *hợp luyện* cùng chiều với lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Trải hàng nghìn năm lịch sử, dân tộc Việt Nam đã rèn đúc, tôi luyện cho mình nhiều *phẩm chất* tốt đẹp. Đó là năng lực chế ngự thiên nhiên, tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo trong chống giặc ngoại xâm; sự hình thành một hệ giá trị cốt lõi của văn hóa dân tộc với tinh thần yêu nước, ý chí độc lập tự cường, tinh thần đoàn kết, ý thức cố kết cộng đồng gắn kết cá nhân – gia đình – làng xã – Tổ quốc; lòng nhân ái, sự khoan dung, trọng nghĩa tình đạo lý, lấy nhân nghĩa làm gốc; trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng nhà – làng – nước; trọng dân, đề cao dân, lấy dân làm gốc; hòa hợp đề hòa đồng, cần cù, khiêm tốn, giản dị trong lối sống,... Tuy nhiên, bản sắc đó không phải là một hằng số, là những giá trị bất biến, mà có những giá trị mới được hình thành, bồi tụ trong quá trình hội nhập, tiếp biến giữa các nền văn hóa.

Trong xu thế toàn cầu hóa văn hóa hiện nay, chúng ta cần có cách ứng xử thích hợp để một mặt có thể nhanh chóng hội nhập và phát triển, mặt khác bảo vệ, giữ gìn được bản sắc văn hóa dân tộc, tránh được nguy cơ đánh mất những truyền thống văn hóa quý báu trước sự xâm nhập mạnh mẽ của lối sống phương Tây.